

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172A/2020/HS - ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Phạm Thị Thư.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 167/2020/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST-HS ngày 28/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thị S**, Tên gọi khác: Không có.
 - Sinh ngày 16/10/1964, tại: huyện Hăng H, tỉnh Thanh H.
 - Nơi cư trú: thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B;
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
 - Trình độ văn hóa: 10/10.
 - Nghề nghiệp: Kinh doanh (Kế toán- Công ty TNHH Trường An 19), địa chỉ: thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B;
 - Đảng viên: Không;
 - Con ông: Nguyễn Huy C (Đã chết);
 - Con bà: Trần Thị T (Đã chết);
 - Gia đình có 8 chị em, bị cáo là con thứ Sáu;
 - Chồng: Nguyễn Trường S- Sinh năm: 1957;
 - Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991.

- Tiền án, tiền sự: Chưa có;
- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

2. Họ tên: Dương Hoàng N, Tên gọi khác: Không có.

- Sinh ngày 25/7/1987, tại: huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.
- Nơi cư trú: phòng C2, Tầng 11, Chung cư Cát T New, đường Lý Thái T, phường Ninh X, thành phố BN, tỉnh BN;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Nghề nghiệp: Kinh doanh (Giám đốc- Công ty TNHH JN GLOBAL), địa chỉ: đường Nguyễn Thái H, thôn Ba, xã T, thành phố B, tỉnh B;
- Đảng viên: Không;
- Con ông: Dương Thanh B- Sinh năm: 1958;
- Con bà: Phùng Thị M H- Sinh năm: 1961;
- Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ ba;
- Chồng: JJW- Sinh năm: 1980, Quốc tịch: Hàn Quốc;
- Con: có một con sinh năm: 2018;
- Tiền án, tiền sự: Chưa có;
- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

3. Họ tên: Hoàng Thị H, Tên gọi khác: Không có;

- Sinh ngày 29/10/1987, tại: huyện Bình X, tỉnh Vĩnh P;
- Nơi cư trú: số 22B, ngách 39/14, ngõ 39 phố Đại Đ, tổ 5, phường Thanh T, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Nghề nghiệp: Kinh doanh (Nhân viên- Công ty TNHH JN GLOBAL), địa chỉ: đường Nguyễn Thái H, thôn Ba, xã T, thành phố B, tỉnh B;
- Đảng viên: Không;
- Con ông: Hoàng Văn S- Sinh năm: 1961;
- Con bà: Nguyễn Thị T- Sinh năm: 1967;
- Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ nhất;
- Chồng: Phạm Đức C- Sinh năm: 1983;

- Con: có 3 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019;
- Tiền án, tiền sự: Chưa có
- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

4. Họ tên: Nguyễn Thị N, Tên gọi khác: Không có;

- Sinh ngày 16/12/1989, tại: huyện VY, tỉnh B;
- Nơi cư trú: thôn Kiều, xã Bích S, huyện VY, tỉnh B;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Nghề nghiệp: Kinh doanh (Kế toán- Công ty TNHH JN GLOBAL), địa chỉ: đường Nguyễn Thái H, thôn Ba, xã T, thành phố B, tỉnh B;
- Con ông: Nguyễn Văn L- Sinh năm: 1965;
- Con bà: Nguyễn Thị T- Sinh năm: 1966;
- Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai;
- Chồng: Nguyễn Văn Tr- Sinh năm: 1989;
- Con: có 2 con, con lớn sinh năm: 2013, con nhỏ sinh năm 2014;
- Tiền án, tiền sự: Chưa có;
- Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyên đơn dân sự:

2.1. Chi cục thuế khu vực B – Yên D.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Lê Đức H – Phó Chi cục trưởng.
(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2.2. Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh H – Phó Chi cục trưởng.
(có mặt tại phiên tòa)

3. Bị đơn dân sự:

3.1 Công ty TNHH Trường An 19.

Do ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1991, chức vụ: Giám đốc làm đại diện.
Địa chỉ trụ sở: Thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B. (có mặt tại phiên
tòa)

3.2 Công ty TNHH JN Global.

Do bà Dương Hoàng N, chức vụ: Giám đốc làm đại diện.
Địa chỉ trụ sở: thôn Ba, xã T, thành phố B. (có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa)

3.3. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 72 đường Lê Đức T, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN. (Vắng mặt)

3.5. Bà Trần Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà 487 đường LL, phường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt)

3.6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Đặng L, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên.

4. Giám định viên: Ông Phạm Quý S – Phó trưởng phòng nghiệp vụ - dự toán pháp chế - Cục thuế tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/6/2019, Cục thuế tỉnh B có Công văn số 3119/QĐ-CT gửi Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B cùng hồ sơ thanh tra thuế tại Công ty TNHH JN Global (viết tắt là Công ty Global), địa chỉ: thôn Ba, xã T, thành phố B đề nghị xác minh việc Công ty Global có dấu hiệu mua bán hóa đơn, trốn thuế.

Ngày 20/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 114, khám xét nơi ở của Nguyễn Thị S- sinh năm 1964, địa chỉ: thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, kết quả khám xét đã thu được một số tài liệu có liên quan đến hành vi phạm tội mua bán trái phép hóa đơn Giá trị gia tăng. Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội cụ thể của các đối tượng trong vụ án như sau:

1. Hành vi mua trái phép 19 số hóa đơn và bán trái phép 19 số hóa đơn Giá trị gia tăng của bị cáo Nguyễn Thị S:

Công ty TNHH Trường An 19 (viết tắt là Công ty Trường An) được thành lập ngày 25/12/2014 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400747992, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 25/12/2014; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/7/2016; trụ sở chính ở thôn Tam T, xã Quang C, huyện VY, tỉnh B; vốn điều lệ 3.900.000.000 đồng, Công ty có 03 thành viên góp vốn (ông Nguyễn Trường G góp 1.900.000.000 đồng, ông Nguyễn Trường S góp 900.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị S góp 1.100.000.000 đồng); người đại diện pháp luật là Nguyễn Trường G- sinh

năm 1991 (ở cùng địa chỉ Công ty), CMND số 122030775 do Công an tỉnh B cấp ngày 09/5/2009. Ngành nghề kinh doanh: xây dựng các công trình các loại; bán buôn, bán lẻ các loại vật liệu xây dựng; san lấp mặt bằng, cho thuê máy móc thiết bị các loại... ; hoạt động trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, cung ứng lao động tạm thời, cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Công ty đăng ký kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế huyện VY (nay là Chi cục thuế Khu vực VY- Hiệp Hòa), tỉnh B, mã số thuế 2400747992. Hình thức kê khai nộp thuế: theo phương pháp khấu trừ. Công ty Trường An do Nguyễn Trường G làm Giám đốc, nhưng việc điều hành hoạt động của Công ty là do Nguyễn Thị S- Kế toán (là mẹ đẻ của Giáp), Giáp chỉ thực hiện việc ký các chứng từ, hóa đơn theo chỉ đạo của Nguyễn Thị S mà không biết nội dung kinh doanh.

- Hành vi bán 19 số hóa đơn Giá trị gia tăng cho Công ty TNHH JN GLOBAL:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thị S đã bán trái phép 19 hóa đơn Giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) của Công ty Trường An cho Công ty TNHH JN GLOBAL (viết tắt là Công ty Global), địa chỉ: đường Nguyễn Thái H, thôn Ba, xã T, thành phố B, tỉnh B, qua Dương Hoàng N, Hoàng Thị H và Nguyễn Thị N với giá bán là 10% trên tổng số tiền hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Hình thức là Công ty Trường An xuất hóa đơn cho Công ty Global với nội dung ghi không trên hóa đơn với số tiền trước thuế là 23.763.641.750 đồng, thuế GTGT 2.376.364.175 đồng, tổng giá trị thanh toán là 26.140.005.925 đồng. Cụ thể như sau:

Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001136 ngày 31/8/2017, số tiền sau thuế là 166.320.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001134 ngày 31/8/2017, số tiền sau thuế là 1.536.201.150 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001181 ngày 30/9/2017, số tiền sau thuế là 184,800,000 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001180 ngày 30/9/2017, số tiền sau thuế là 1,766,488,625 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001245 ngày 31/10/2017, số tiền sau thuế là 190,960,000 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001244 ngày 31/10/2017, số tiền sau thuế là 1,158,121,250 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001303 ngày 30/11/2017, số tiền sau thuế là 693,717,750 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001304 ngày 30/11/2017, số tiền sau thuế là 160,160,000 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/15P, số 0001442 ngày 28/02/2018, số tiền sau thuế là 505,617,750 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000057 ngày 28/4/2018, số tiền sau thuế là 649,226,600 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000143 ngày 22/6/2018, số tiền sau thuế là 3,448,673,800 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000242 ngày 31/7/2018, số tiền sau thuế là 1,637,638,200 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000290 ngày 31/8/2018, số tiền sau thuế là 1,613,343,600 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000435 ngày 30/9/2018, số tiền sau thuế là 2,884,697,200 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000405 ngày 31/10/2018, số tiền sau thuế là 1,688,849,800 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000453 ngày 30/11/2018, số tiền sau thuế là 1,831,783,800 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000511 ngày 31/12/2018, số tiền sau thuế là 1,254,215,600 đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000568 ngày 31/01/2019, số tiền sau thuế là 3,213,454,200

đồng; Hóa đơn ký hiệu TA/18P, số 0000607 ngày 28/02/2019, số tiền sau thuế là 1,555,763,600 đồng.

- Hành vi mua trái phép 19 số hóa đơn Giá trị gia tăng của Nguyễn Thị S:

Để hợp thức hóa việc bán 19 số hóa đơn GTGT cho Công ty Global như nêu trên, Nguyễn Thị S đã liên hệ mua trái phép 19 số hóa đơn GTGT đầu vào của 04 doanh nghiệp với tổng số tiền trước thuế là 23.921.517.980 đồng, tổng số tiền thuế GTGT là 2.392.151.798 đồng, tổng số tiền sau thuế là 26.313.669.778 đồng, cụ thể:

Mua 13 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TM Phúc Hoàng Hưng Thịnh, mã số thuế: 0201805170, địa chỉ trụ sở: thôn Thù Du (tại nhà ông Bùi Văn Hào), xã Minh Tân, huyện KT, thành phố HP, gồm: Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000042 ngày 31/10/2017, số tiền sau thuế là 630,283,500 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000038 ngày 31/10/2017, số tiền sau thuế là 1,127,232,475 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000087 ngày 30/11/2017, số tiền sau thuế là 675,219,045 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000084 ngày 30/11/2017, số tiền sau thuế là 236,362,500 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000209 ngày 28/02/2018, số tiền sau thuế là 495,505,395 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000264 ngày 28/4/2018, số tiền sau thuế là 636,488,875 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000355 ngày 22/6/2018, số tiền sau thuế là 3,400,887,050 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000405 ngày 31/7/2018, số tiền sau thuế là 1,615,142,650 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000444 ngày 31/8/2018, số tiền sau thuế là 1,591,302,900 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000486 ngày 30/9/2018, số tiền sau thuế là 2,844,998,420 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000523 ngày 31/11/2018, số tiền sau thuế là 1,666,286,270 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000575 ngày 31/11/2018, số tiền sau thuế là 1,807,745,610 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0000629 ngày 31/12/2018, số tiền sau thuế là 1,237,364,700 đồng.

Mua 04 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư thương mại xăng dầu Trung Hậu, mã số thuế: 0201696595, địa chỉ trụ sở: thôn Thù Du (tại nhà ông Bùi Văn Q), xã Minh Tân, huyện KT, thành phố HP, gồm: Hóa đơn ký hiệu AA/16P, số 0000806 ngày 31/8/2017, số tiền sau thuế là 223,245,000 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/16P, số 0000804 ngày 31/8/2017, số tiền sau thuế là 1,496,737,902 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/16P, số 0000871 ngày 30/9/2017, số tiền sau thuế là 242,055,000 đồng; Hóa đơn ký hiệu AA/16P, số 0000872 ngày 30/9/2017, số tiền sau thuế là 1,720,221,437 đồng.

Mua 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH vật tư và xây dựng Nam Hà, mã số thuế: 0201789433, địa chỉ trụ sở: Thôn Kỳ Sơn (tại nhà ông Phạm Văn An), xã Tân Tr, huyện KT, thành phố HP là: Hóa đơn ký hiệu AA/17P, số 0001031 ngày 31/01/2019, số tiền sau thuế là 3.171.808.750 đồng.

Mua 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH TMDV và XD Ngọc Quảng được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, có mã số doanh nghiệp: 2400850157, địa chỉ trụ sở: Thôn Tiên Sơn, xã Hương Sơn, huyện

Lạng Giang, tỉnh B là: Hóa đơn ký hiệu AA/15P, số 0000066 ngày 28/02/2019, số tiền sau thuế là 1.494.782.300 đồng.

2. Hành vi mua trái phép 19 số hóa đơn GTGT của Dương Hoàng N cùng đồng phạm Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N

Công ty TNHH JN Global được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp lần đầu ngày 26/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05/4/2018; địa điểm trụ sở chính: đường Nguyễn Thái H, thôn Ba, xã T, thành phố B, tỉnh B; vốn điều lệ 5.000.000.0000 đồng; chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật là: Dương Hoàng N- sinh ngày 25/7/1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện tại: Phòng C2, tầng 11, tòa Chung cư Cát T New, đường Lý Thái T, phường Ninh X, thành phố BN, tỉnh BN; ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kiểm tra phân loại hàng, cung ứng lao động (được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động số 155/LĐTBOXH- GP ngày 18/12/2017); Công ty đăng ký kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế thành phố B (nay là Chi cục thuế Khu vực B- Yên D), hình thức kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp: Khấu trừ.

- Việc mua trái phép 19 số hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An:

Trong quá trình hoạt động, Công ty Global phát sinh các khoản chi phí thực tế mà không có hóa đơn GTGT để thực hiện việc kê khai, báo cáo quyết toán thuế, như: chi trả tiền công cho 02 người Hàn Quốc (là những người có quen biết với các Công ty, doanh nghiệp do người Hàn Quốc làm chủ nên giới thiệu mỗi cung cấp nguồn nhân lực (người lao động) để Công ty Global cung cấp và chi trả tiền thuê nhà ở, ăn uống, đi lại sinh hoạt cho 02 người Hàn Quốc này; tiền thuê nhà ở cho Giám đốc Công ty; tiền thuê nhà làm trụ sở văn phòng Công ty, thuê nhà làm các văn phòng đại diện ở một số tỉnh: Vĩnh P, Thái Nguyên và thành phố HP; phí tuyển dụng lao động; chi tiền làm từ thiện; chi tiền liên hoan cho Công nhân vào dịp tổng kết cuối năm, thưởng Tết cho Công nhân... Theo chỉ đạo của Dương Hoàng N, từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2019, Hoàng Thị H đã liên hệ và trao đổi với Nguyễn Thị S để mua hóa đơn GTGT. Sau khi thống nhất giá mua bán hóa đơn không bằng 10% tổng giá trị thanh toán trước thuế ghi trên hóa đơn, Hoàng Thị H đã báo cáo và được Dương Hoàng N đồng ý. Hàng tháng Hoàng Thị H chỉ đạo Nguyễn Thị N kế toán lập khống các bảng kê nhân công, lập khống bảng kê chi tiết cước vận chuyển, gửi qua hòm thư điện tử của Công ty Trường An, để Nguyễn Thị S lập các hóa đơn khống xuất cho Công ty Global. Nguyễn Thị S đã lập khống và bán cho Công ty Global tổng số 19 hóa đơn GTGT như đã nêu ở trên. Để hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn GTGT khống, Dương Hoàng N đại diện Công ty Global ký 04 hợp đồng (Hợp đồng gia công hàng hóa số 01/HĐGC-JNGlobal/2017, ngày 01/8/2017; Hợp đồng vận chuyển số 01/JN-TA/2017, ngày 01/8/2017; Hợp đồng hỗ trợ gia công

hàng hóa số 01/2018/HĐKT, ngày 01/4/2018 và Hợp đồng thuê xe số 012018/JN-TA năm 2018 không ghi ngày tháng với Công ty Trường An), duyệt lệnh chuyển tiền cho Công ty Trường An thông qua hai hình thức chuyển tiền bằng hình thức ủy nhiệm chi qua tài khoản số 19131579288866 mở tại Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)- Chi nhánh tỉnh B; Chuyển tiền bằng hình thức chuyển tiền điện tử (eBank) từ tài khoản số 24008195001 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank)- Chi nhánh Hà Nội của Công ty Global chuyển tiền sang tài khoản số 102010002130169 (nay là 117000136631) của Công ty Trường An mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)- Chi nhánh tỉnh BN. Sau đó, Nguyễn Thị S thực hiện việc rút tiền từ tài khoản của Công ty Trường An trả lại Công ty Global (sau khi đã trừ tiền bán hóa đơn theo thỏa thuận là 10%).

Ngoài 19 hóa đơn GTGT Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An đã bán trái phép cho Công ty Global nêu trên, quá trình điều tra Cơ quan thu thập được tài liệu, xác định Nguyễn Thị S còn xuất 22 số hóa đơn GTGT có nội dung là cho Công ty Global thuê xe ô tô, với tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 726.299.200 đồng. Cơ quan điều tra thu được tài liệu thể hiện Công ty Trường An có Hợp đồng thuê xe (không số), ngày 01/7/2017 thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Fortuner Toyota BKS 99A- 126.60 của Nguyễn Văn T- sinh năm 1985, trú tại: số nhà 72, đường Lê Đức T, Phường KB, thành phố BN, tỉnh BN là chủ sở hữu và bảo Nguyễn Văn T đến làm lái xe cho Công ty Global, Nguyễn Thị S hưởng số tiền chênh lệch thông qua hợp đồng ký kết giữa Công ty Trường An với Công ty Global. Do vậy, việc Công ty Trường An cho Công ty Global thuê lại xe ô tô và xuất 22 hóa đơn GTGT cho Công ty Global là hợp pháp, không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra, cả 03 ngân hàng nêu trên đã cung cấp sao kê giao dịch liên quan đến việc chuyển khoản thanh toán giữa Công ty Global và Công ty Trường An và thông tin đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng cũng như việc đăng ký, cấp sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Công ty Global (cấp thiết bị bảo mật để thực hiện các giao dịch trên Internet cho Dương Hoàng N và Nguyễn Thị N). Kiểm tra, tài liệu sao kê của các ngân hàng cung cấp, thấy phù hợp với lời khai của Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị N.

Tại Kết luận giám định số: 1137/KL-KTHS ngày 15/7/2019; Kết luận giám định số: 32/KL-KTHS ngày 08/01/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B đã kết luận chữ viết, chữ ký, hình con dấu trên các tài liệu cần giám định như: hóa đơn GTGT (liên 1, liên 2), Hợp đồng, giấy ủy nhiệm chi để các bị cáo và các đối tượng liên quan thực hiện hành vi mua bán hóa đơn trái phép hóa đơn là phù hợp với lời khai của các bị cáo và các đối tượng có liên quan.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B có quyết định trưng cầu giám định số 188/QĐ-PC03 ngày 26/5/2020 trưng cầu giám định viên giám định chữ viết và chữ ký của các đối tượng có thông tin cá nhân trong giấy đăng ký kinh doanh của 04 Công ty bán hóa đơn cho Nguyễn Thị S. Kết luận giám định số 674/KL-KTHS, ngày 31/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết

luận: Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết và chữ ký của các đối tượng gồm: Đặng Thị Hậu, Trần Văn Tuyên và Nguyễn Ngọc Quảng không phải do cùng một người viết và ký ra.

Ngày 06/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu giám định số: 60/CSĐT-CSKT, trưng cầu giám định viên tư pháp của Cục Thuế tỉnh B xác định thiệt hại về thuế đối với 38 hóa đơn bất hợp pháp trong đó có 19 hóa đơn (liên 2) thể hiện bên mua là Công ty Trường An và 19 hóa đơn (liên 2) thể hiện bên mua là Công ty Global.

Kết luận giám định cá nhân ngày 15/4/2020 của Giám định viên- Cục thuế tỉnh B, kết luận:

Đối với Công ty Trường An: Thuế GTGT: Đối với 19 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của Công ty TNHH TM Phúc Hoàng Hưng Thịnh; Công ty TNHH Đầu tư thương mại xăng dầu Trung Hậu; Công ty TNHH vật tư và xây dựng Nam Hà và Công ty TNHH TMDV và xây dựng Ngọc Quảng được Nguyễn Thị S sử dụng để hạch toán, kê khai, khấu trừ tại Công ty Trường An đã gây thiệt hại về thuế GTGT là: **2.224.305.556 đồng**. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Không tính chính xác được.

Đối với Công ty Global: Thuế GTGT: Đối với 19 hóa đơn GTGT bất hợp pháp của Công ty Trường An được sử dụng để hạch toán, kê khai, khấu trừ tại Công ty Global đã gây thiệt hại về thuế GTGT là **2.376.364.175 đồng**. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty Global đã kê khai chi phí tại các tài khoản phải trả người bán và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ với số hóa đơn của Công ty Trường An thì thiệt hại đối với ngân sách Nhà nước về thuế TNDN là **3.578.539.150 đồng**.

Ngày 08/7/2020, Viện KSND tỉnh B ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 01/QĐ-VKS-P3, trưng cầu giám định viên tư pháp của Cục Thuế tỉnh B xác định thiệt hại cho ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ năm 2017 và 2018 Công ty Global. Kết luận giám định cá nhân ngày 01/9/2020 của Cục thuế tỉnh B, kết luận: “Các phiếu chi trên đơn vị không hạch toán theo quy định nên không có cơ sở để xem xét; thiệt hại về thuế đối với ngân sách Nhà nước có thể còn thiệt hại đối với ngân sách Nhà nước về thuế TNCN của hai người nước ngoài ghi trên các phiếu chi tiền hoa hồng. Công ty Global, mã số thuế 2400819502 đã kê khai chi phí tại các tài khoản phải trả người bán và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ với số hóa đơn của Công ty Trường An mã số thuế 2400747992 thì thiệt hại đối với ngân sách Nhà nước về thuế TNDN là 3.578.539.150 đồng, cụ thể như sau: năm 2017 là 1.064.867.050 đồng, năm 2018 là 2.513.672.100 đồng.”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận:

- Bị cáo Nguyễn Thị S khai nhận: Công ty Trường An do Nguyễn Thị S thành lập và lấy tên con trai của Sáu là Nguyễn Trường G là người đại diện pháp luật-Giám đốc Công ty. Tuy Nh, Sáu là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty Trường An. Nguyễn Trường G mặc dù là Giám đốc Công ty nhưng chỉ ký

chứng từ, tài liệu theo yêu cầu của Sáu; không được Sáu trao đổi, bàn bạc gì về nội dung mua và bán trái phép hóa đơn. Việc trao đổi mua bán 19 số hóa đơn Công ty Global do Sáu là người trao đổi và thống nhất giá bán 10% trên tổng số trước thuế ghi trên hóa đơn với Hoàng Thị H là nhân viên của Công ty Global. Nội dung ghi trên 19 số hóa đơn theo yêu cầu của Hoàng Thị H, H là người cung cấp các nội dung để Sáu viết vào hóa đơn như chi phí gia công lắp ráp, cước vận chuyển... Sáu không bàn bạc, trao đổi gì với Nguyễn Trường G, Giáp không biết việc bán hóa đơn của Sáu. Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn với Hoàng Thị H như sau: khi nhận được yêu cầu mua hóa đơn và nội dung ghi trên hóa đơn, số tiền theo yêu cầu của Công ty Global, sau đó Công ty Global chuyển tiền đúng với số tiền ghi trên hóa đơn và 10% như đã thỏa thuận với H vào số tài khoản 102010002130169 (nay là 117000136631) của Công ty Trường An mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank)- Chi nhánh tỉnh BN. Sau khi nhận được tiền Sáu đã giữ lại 10% số tiền ghi trên hóa đơn trước thuế, số còn lại Sáu đưa lại cho H; ngoài những lần Sáu đưa hóa đơn cho H thì Sáu còn đưa hóa đơn cho lái xe của Công ty Global; cũng có những lần Sáu đến văn phòng của Công ty Global viết lại hóa đơn do viết sai rồi chuyển lại cho H.

Để hợp thức hóa và cân đối giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào và hàng hóa, dịch vụ bán ra, Sáu đã mua 19 hóa đơn GTGT của 04 Công ty là: Công ty TNHH TM Phúc Hoàng Hưng Thịnh 13 số hóa đơn; Công ty TNHH Đầu tư thương mại xăng dầu Trung Hậu 04 số hóa đơn; Công ty TNHH vật tư và xây dựng Nam Hà 01 số hóa đơn; Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Ngọc Quảng 01 số hóa đơn, cụ thể: trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty Trường An, có một số người (không biết tên tuổi, địa chỉ) đến gặp Sáu tại trụ sở Công ty Trường An và giới thiệu là nhân viên của 04 Công ty trên và trao đổi với Sáu về nội dung có bán hóa đơn GTGT với giá 7,5% và để lại số điện thoại khi cần thì liên hệ cho họ (sau khi trao đổi liên hệ để mua hóa đơn, Sáu không lưu số điện thoại và cũng không nhớ được đặc điểm của những người này). Khi được Hoàng Thị H nhân viên Công ty Global hỏi mua hóa đơn thì Sáu đã liên hệ với những nhân viên của các Công ty có thông tin trên để trao đổi thống nhất mua hóa đơn đầu vào Công ty Trường An. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn, mỗi lần giao dịch mua bán hóa đơn GTGT thì các nhân viên của 04 Công ty trên đưa tiền mặt bằng với số tiền ghi trên hóa đơn cho Sáu để Sáu nộp vào tài khoản của Công ty Trường An. Sau đó, Sáu thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Trường An đến các tài khoản của 04 Công ty trên. Bị cáo Sáu thanh toán trả số tiền 7,5% mua hóa đơn bằng hình thức đưa tiền mặt trực tiếp cho các nhân viên của các Công ty trên; số tiền Sáu đã được hưởng lợi là 2,5% trên tổng số tiền hàng hóa dịch vụ ghi trên hóa đơn là 23.921.517.980 đồng $\times 2,5\% = 598.037.950$ đồng. Để che giấu hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Sáu đã thống nhất với các nhân viên của 04 Công ty thực hiện lập các hợp đồng kinh tế cho phù hợp với nội dung yêu cầu của Công ty Global. Sáu đã sử dụng các hóa đơn do các Công ty này xuất để hạch toán chi phí và thực hiện kê khai thuế của Công ty Trường An.

Ngoài ra Nguyễn Thị S khai Công ty Trường An cho Công ty Global thuê xe ô tô và xuất cho Công ty Global 22 số hóa đơn GTGT có nội dung thuê xe ô tô. Chiếc xe ô tô Fotuner Toyota loại 07 chỗ ngồi màu bạc là do Sáu có thỏa thuận thuê của Nguyễn Văn T- sinh năm 1985, trú tại: số nhà 72, đường Lê Đức T, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN, Sáu và Tuyền thống nhất thỏa thuận giá thuê là 18.000.000 đồng/tháng, việc thanh toán thực hiện bằng tiền mặt, khi hết tháng, ngày thanh toán là vào những ngày đầu của tháng tiếp theo, toàn bộ chi phí phát sinh theo xe thì Công ty Trường An phải chịu như (tiền xăng, dầu, chi phí sửa chữa, phí cầu đường...). Việc soạn thảo hợp đồng là do phía Nguyễn Văn T soạn thảo, sau đó Sáu đưa cho Nguyễn Trường G ký, sau đó đưa lại cho Tuyền để thực hiện. Sau khi thuê xe ô tô của Nguyễn Văn T, Sáu có cho Công ty Global thuê lại và có ký hợp đồng, việc soạn thảo hợp đồng do H là người đem đến Công ty Trường An, Sáu bảo Nguyễn Trường G ký rồi đưa lại cho H để thực hiện. Việc thanh toán thuê xe ô tô được Công ty Global chuyển trả cho Công ty Trường An để thực hiện.

Nguyễn Thị S khẳng định ngoài việc mua trái phép 19 hóa đơn GTGT của 04 Công ty nêu trên và bán trái phép 19 hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH JN Global thì Nguyễn Thị S và Công ty TNHH Trường An 19 không mua bán trái phép bất kỳ hóa đơn GTGT nào khác.

- *Bị cáo Dương Hoàng N khai nhận:* Dương Hoàng N đăng ký thành lập Công ty Global từ 26/7/2017, hoạt động chủ yếu của Công ty là: cung ứng lao động tạm thời, cung ứng lao động và quản lý nguồn lao động. Do quá trình hoạt động Công ty Global có nhiều khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng không có hóa đơn GTGT để thực hiện kê khai thuế. Cụ thể: chi trả tiền công cho 02 người Hàn Quốc (đây là những người Hàn Quốc có quen biết với các Công ty do người Hàn Quốc làm chủ nên giới thiệu mỗi cung cấp hàng là nhân công để Công ty Global cung cấp); tiền thuê nhà ở, ăn uống, đi lại sinh hoạt cho 02 người Hàn Quốc này; tiền thuê nhà ở cho Nh là Giám đốc; tiền thuê nhà làm trụ sở văn phòng Công ty, thuê các văn phòng đại diện ở các tỉnh: Vĩnh P, Thái Nguyên và thành phố HP; phí tuyển dụng lao động; chi tiền làm từ thiện; chi tiền liên hoan cho công nhân vào dịp tổng kết cuối năm, thưởng Tết cho công nhân trong Công ty...

Xuất phát từ tình hình như vậy, nên Dương Hoàng N đã chỉ đạo Hoàng Thị H tìm mua hóa đơn GTGT để bù vào các khoản chi phí nói trên, Nh cũng chỉ đạo Nguyễn Thị N- Kế toán của Công ty lập bảng kê hàng hóa để gửi cho Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An để viết vào nội dung hóa đơn bán cho Công ty Global và các nội dung thể hiện trên hóa đơn là nội dung không; ngoài ra Nh còn chỉ đạo Ng lập các bản hợp đồng không như: Hợp đồng hỗ trợ gia công hàng hóa số 01/2018/HĐKT được ký ngày 01/4/2018 và Hợp đồng gia công hàng hóa số 01/HĐGC-JNGlobal/2017 ký ngày 01/8/2017... khi Nguyễn Thị N lập xong trình Nh kiểm tra duyệt xong gửi đến Công ty Trường An để ký kết, người ký là Nguyễn Trường G- Giám đốc, sau đó chuyển lại cho Nh ký. Việc chuyển tiền mua bán hóa đơn GTGT giữa hai Công ty được thực hiện như sau: để thực hiện mua bán hóa đơn, Công ty Global thanh toán tiền mua hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản từ số tài

khoản của Công ty Global mở tại 02 ngân hàng là TK 240008195001 tại Ngân hàng Tiên phong (TPBank)- Chi nhánh Hà Nội và số tài khoản 19131579288666 mở tại Ngân hàng TMCP kỹ thương (TechcomBak)- Chi nhánh B chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Trường An là 102010002130169 (nay là 117000136631) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương (VietinBank)- Chi nhánh tỉnh BN. Khi chuyển tiền cho Công ty Trường An thì Ng là người tạo lệnh chuyển tiền qua hai hình thức (hình thức chuyển tiền điện tử và hình thức ủy nhiệm chi) sau đó chuyển lại báo cáo Dương Hoàng N để duyệt lệnh. Đối với hình thức chuyển tiền qua ủy nhiệm chi mở tại Ngân hàng kỹ thương (TechcomBak)- Chi nhánh B thì sau khi Ng tạo ủy nhiệm chi chuyển lại cho Nh ký duyệt thì Nh chuyển lại cho Ng mang ra ngân hàng để chuyển tiền cho Công ty Trường An. Đối với hình thức chuyển tiền qua điện tử thì Công ty Global có đăng ký mở tài khoản tại Ngân hàng TP Bank- Chi nhánh Hà Nội và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử eBank- Internet Banking, ngân hàng có cung cấp cho Công ty Global 02 thiết bị bảo mật để thực hiện các giao dịch trên Internet (cụ thể cung cấp cho Ng 01 thiết bị bảo mật số seri 2722445695, tức là mã sử dụng để nhập tạo lệnh và cung cấp cho Nh 01 thiết bị bảo mật số seri 2722445701, tức là mã sử dụng để duyệt lệnh). Sau khi được Ngân hàng cung cấp, Nh có thay đổi mật khẩu tài khoản để bảo mật và chỉ một mình Nh biết và sử dụng thiết bị này. Sau khi Ng đăng nhập vào tài khoản mở tại Ngân hàng TPBank- Chi nhánh Hà Nội tạo lệnh chuyển tiền thì Ng báo cáo lại với Nh để Nh đăng nhập vào tài khoản và sử dụng mật khẩu (là mã OTP) do Ngân hàng TPBank cung cấp để duyệt lệnh chuyển tiền trên lệnh do Ng đã tạo trước đó (đang trong trạng thái chờ Nh là Giám đốc duyệt lệnh). Sau khi kiểm tra các thông tin trên lệnh đã tạo của Ng, Nh lấy mật khẩu hiển thị trên thiết bị bảo mật mà ngân hàng cung cấp nhập vào lệnh đang chờ duyệt trên ứng dụng của ngân hàng thì giao dịch được thực hiện. Tức là việc chuyển tiền từ tài khoản của Công ty Global mở tại Ngân hàng TPBank- Chi nhánh Hà Nội đến các tài khoản khác (bao gồm cả tài khoản của Công ty Trường An) được thực hiện xong. Khi tiền mua hóa đơn của Công ty Global chuyển đến tài khoản của Công ty Trường An thì Sáu là người trực tiếp đến Ngân hàng VietinBank- Chi nhánh tỉnh BN rút tiền ra sau đó trả lại tiền cho Công ty Global qua Hoàng Thị H (sau khi giữ lại 10% tiền mua bán hóa đơn GTGT như đã thỏa thuận).

Ngoài ra Dương Hoàng N khai nhận Công ty Global có thuê xe ô tô do Nguyễn Văn T là lái xe của Công ty Trường An và được Công ty Trường An xuất cho 22 số hóa đơn GTGT có nội dung thuê xe ô tô. Số tiền mà Công ty Global trả cho Công ty Trường An để thuê xe đúng bằng số tiền thể hiện trên hóa các hóa đơn mà Công ty Trường An đã xuất.

- *Bị cáo Hoàng Thị H khai nhận:* H làm việc tại Công ty Global từ tháng 7/2017 đến nay, công việc được phân công là nhân viên quản lý điều hành kiêm thủ quỹ của Công ty Global. Quá trình hoạt động, theo sự chỉ đạo của Dương Hoàng N- Giám đốc, H là người trực tiếp liên hệ qua điện thoại với Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An để trao đổi mua hóa đơn GTGT như: có xuất được hóa đơn gia công và cung ứng nhân lực không? khi xuất hóa đơn như vậy thì đầu vào của Công ty Trường An có thật

không? phí phải trả bao nhiêu? Khi trao đổi H không biết Sáu là ai và làm công việc gì tại Công ty. Khi nhận hóa đơn thấy Sáu ký ở mục kế toán Công ty Trường An thì mới biết, hai bên thống nhất giá 10% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn GTGT trước thuế, khi Công ty Global trả tiền cho Công ty Trường An thì Sáu sẽ lấy tiền đem đến Công ty Global để trả lại hoặc H sẽ đến trực tiếp Công ty Trường An gặp Sáu để lấy tiền. Hàng tháng, Nh thông báo cho H biết số tiền theo hóa đơn Công ty Trường An cần xuất cho Công ty Global, H thông báo với Ng- Kế toán lập bảng kê với số tiền tương ứng số tiền cần để mua hóa đơn, sau đó Ng gửi bảng kê cho Công ty Trường An để xuất hóa đơn theo các nội dung như trong bảng kê do Ng lập. Sau khi viết hóa đơn, Sáu sẽ gọi điện báo cho H là đã viết xong hóa đơn như yêu cầu, H báo cáo với Nh chỉ đạo chuyển tiền cho Công ty Trường An; Ng là người thực hiện viết lệnh chuyển tiền. Sau khi Công ty Trường An nhận được tiền, Nh chỉ đạo H lấy lại số tiền thừa (sau khi đã trừ đi 10% tiền mua hóa đơn); sau đó H hoặc lái xe của Công ty Global là Nguyễn Văn Đ đến Công ty Trường An lấy lại tiền thừa; H không nói cho Nguyễn Văn Đ biết việc tiền lấy từ Công ty Trường An là tiền gì, nguồn gốc từ đâu. Tổng số lần thực hiện mua hóa đơn GTGT của Sáu là 15 lần tương ứng với 19 số hóa đơn GTGT, tổng số tiền phải trả cho Sáu là 2.376.364.175 đồng; khi nhận tiền từ Công ty Trường An, H không ký vào biên bản giao nhận hay giấy tờ, sổ sách gì. H không biết Công ty Global mua hóa đơn của Công ty Trường An để sử dụng vào mục đích gì. Do Nh là Giám đốc yêu cầu, chỉ đạo H thực hiện nên H làm. Sau khi nhận được tiền từ Công ty Trường An, H báo cáo Nh, Nh chỉ đạo giữ lại một số tiền để nhập vào quỹ tiền mặt do H quản lý, còn lại nộp vào tài khoản Công ty mở tại Ngân hàng Techcombank- Chi nhánh B và tại Ngân hàng TPBank- Chi nhánh Hà Nội.

- *Bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận:* Ng làm kế toán tại Công ty Global từ tháng 8/2017 đến nay, được phân công làm nhiệm vụ kế toán tổng hợp và hạch toán thu chi, doanh thu của Công ty. Về việc mua hóa đơn GTGT, hàng tháng Ng được Hoàng Thị H chỉ đạo tổng hợp các chi phí đầu vào và doanh thu phát sinh thực tế tại Công ty, sau đó báo cáo lại với H. Sau khi xem xong các báo cáo, H có chỉ đạo lập bảng kê không với nội dung phí hỗ trợ gia công kiểm tra, phân loại hàng tháng và bảo Ng gửi sang Công ty Trường An và Ng đã gửi từ địa chỉ Gmail của Ng là nguyen89.hua@gmail.com sang địa chỉ truonggiap311@gmail.com để Công ty Trường An làm căn cứ viết và xuất hóa đơn GTGT không cho Công ty Global đưa cho H đem về đưa cho Ng, thỉnh thoảng có chuyển qua Nguyễn Văn Đ là lái xe của Công ty Global đem về cho Ng, Ng lưu giữ đến kỳ hạch toán, kê khai thuế thì Ng đưa hóa đơn cho Phạm Ngọc Yến là nhân viên Công ty tư vấn thuế Việt Tín là đơn vị đã ký hợp đồng tư vấn, báo cáo thuế với Công ty Global.

Về việc thanh toán tiền mua hóa đơn GTGT cho Nguyễn Thị S: khi Ng nhận được hóa đơn của Công ty Trường An, thì Ng làm thủ tục thanh toán dưới hai hình thức là: Hình thức 1 là thanh toán bằng ủy nhiệm chi qua tài khoản số tài khoản 19131579288866 mở tại Ngân hàng Techcombank- Chi nhánh tỉnh B: đầu tiên Dương Hoàng N- Giám đốc yêu cầu Ng lập ủy nhiệm chi để thanh toán tiền mua hóa đơn, Ng lập ủy nhiệm chi tương ứng với số tiền thể hiện trên hóa đơn mà Công

ty Trường An đã xuất cho Công ty Global, trường hợp số dư tài khoản không đủ để thanh toán một lần thì Ng thực hiện việc thanh toán làm nhiều lần. Sau khi lập xong ủy nhiệm chi, Ng in ra và đưa cho Trần Thị H là kế toán viên ký vào mục kế toán (vì tại Ngân hàng này Công ty Global đăng ký chức danh kế toán là Trần Thị H), ký xong Ng trình Nh để Nh kiểm tra và ký duyệt, Ng đóng dấu Công ty và mang đến Ngân hàng Techcombank- Chi nhánh tỉnh B để thực hiện chuyển tiền đến Công ty Trường An, thỉnh thoảng Ng có nhờ Nguyễn Văn Đ là lái xe của Công ty chuyển hộ. Hình thức 2 là thanh toán được thực hiện qua Internet Banking, qua Ngân hàng TPBank- Chi nhánh Hà Nội: đầu tiên Ng truy cập vào Website của Ngân hàng TPBank có địa chỉ www.ebank.com, sau đó Ng nhập tên use (do ngân hàng cung cấp là 2400819502), tiếp theo Ng nhập mật khẩu để truy cập vào tài khoản kế toán của Công ty Global đã được Công ty mở tại Ngân hàng TPBank Chi nhánh Hà Nội. Khi nhận được chỉ đạo của Hoàng Thị H quản lý Công ty, Ng vào mục chuyển khoản, chọn chuyển khoản liên ngân hàng, sau đó nhập thông tin của Công ty Trường An (tên Công ty, số tài khoản mở tại ngân hàng nào), tiếp theo nhập số tiền cần thanh toán, có thể thanh toán toàn bộ hoặc một phần trên hóa đơn. Sau khi nhập xong, Ng chọn mục tiếp tục và trên màn hình máy tính hiện ra dòng lệnh yêu cầu nhập mã tạo lệnh, mã này lấy từ thiết bị Tuscan do Ngân hàng cung cấp. Sau khi nhập xong mã này chọn hoàn tất thì lệnh này sẽ được tạo, tạo lệnh xong Ng báo cáo cho Nh- Giám đốc duyệt lệnh thì tiền từ tài khoản của Công ty Global chuyển sang tài khoản của Công ty Trường An. Sau khi nhận được tiền và trừ đi 10% số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn GTGT, số tiền còn lại thì Công ty Trường An chuyển lại cho H quản lý Công ty, sau đó H nhập vào quỹ Công ty hay như thế nào Ng không nắm rõ.

- Xác định thiệt hại tiền thuế và việc nộp khắc phục hậu quả:

Căn cứ kết quả điều tra, kết quả giám định và lời khai nhận của các bị cáo xác định như sau:

Nguyễn Thị S thu lợi bất chính từ việc mua trái phép 19 số và bán trái phép 19 số hóa đơn GTGT mang tên Công ty Trường An là 598.037.950 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị S đã nộp để khắc phục hậu quả trước khi mở phiên tòa là 830.600.000 đồng (ngày 02/7/2019 nộp 370.000.000 đồng, ngày 24/10/2019 nộp 240.600.000 đồng; ngày 29/10/2020 nộp 170.000.000 đồng; ngày 10/11/2020 nộp 50.000.000 đồng). Nguyễn Thị S và Công ty Trường An đã gây thiệt hại cho Nhà nước khi sử dụng 19 số hóa đơn GTGT bất hợp pháp để hạch toán vào Công ty Trường An là **2.224.305.556 đồng**.

Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N và Công ty Global đã gây thiệt hại cho Nhà nước do sử dụng 19 số hóa đơn GTGT mua được từ Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An để hạch toán, báo cáo thuế cho Công ty Global với tổng số tiền là **5.954.903.325 đồng** (trong đó: thuế GTGT là 2.376.364.175 đồng, thuế TNDN là 3.578.539.150 đồng). Tổng số tiền Công ty Global đã nộp để khắc phục hậu quả trước khi mở phiên tòa là 250.000.000 đồng. Tổng số tiền 3 bị cáo đã nộp

để khắc phục hậu quả là 50.000.000 đồng (trong đó: Nh nộp 20.000.000 đồng; H nộp 15.000.000 đồng; Ng nộp 15.000.000 đồng).

- *Vật chứng của vụ án:*

Quá trình điều tra đã thu được số hóa đơn GTGT 38 số hóa đơn GTGT (liên 2), trong đó: 19 hóa đơn giá trị gia tăng của 04 Công ty (Công ty TNHH TM Phúc Hoàng Hưng Thịnh là 13 số, Công ty TNHH Đầu tư thương mại xăng dầu Trung Hậu là 04 số, Công ty TNHH vật tư và xây dựng Nam Hà là 01 số và Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Ngọc Quảng là 01 số) và 19 hóa đơn GTGT của Công ty Trường An đã xuất đến Công ty Global cùng các hợp đồng, chứng từ kèm theo; 04 giấy Ủy nhiệm chi liên 01 và 03 giấy ủy nhiệm chi liên 2 của Công ty Global, được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Những vật chứng được lưu trữ tại kho vật chứng: 02 (Hai) cây CPU máy vi tính: trong đó 01 cây nhãn hiệu Sam Sung màu đen, theo biên bản khám xét ngày 23/7/2019 tại Công ty Global; 01 (một) Cây máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung màu đen, mặt trước của cây máy có in hình lôgô GOLDEN FIELD (do Dương Hoàng N giao nộp cho Cơ quan điều tra, tại biên bản giao nhận hồi 18 giờ 00 ngày 18/6/2019 tại Công ty Global); 01 (một) ổ cứng máy tính có Seri 0244J1BN705126V9204, MADE IN KOREA, theo biên bản khám xét ngày 23/7/2019 tại nhà của vợ chồng Hoàng Thị H, Phạm Đức C; 01 máy tính xách tay mặt ngoài màu xám có ký hiệu HP đã qua sử dụng, không có pin, 01 USB có chữ Kingston- DTSE9-4GB vỏ kim loại đã qua sử dụng, theo biên bản khám xét ngày 20/6/2019 tại nhà ở của Nguyễn Thị S.

Tại Bản cáo trạng số 60/CT-VKS-P3 ngày 03/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Công ty Trường An bồi thường cho Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa số tiền đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Chi cục thuế khu vực B - Yên D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Công ty Global phải bồi thường cho Chi cục thuế khu vực B - Yên D số tiền đã gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước.

Đại diện của Công ty Trường An và Công ty Global có mặt tại phiên tòa nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

1, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S, Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2, Về hình phạt:

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 30 tháng đến 32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Quang C, huyện VY, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoàng N từ 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Ninh X, thành phố BN, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 24 tháng đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Thanh T, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 20 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 40 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Bích S, huyện VY, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc Công ty Trường An phải nộp số tiền 2.224.305.556 đồng cho Chi cục thuế khu vực VY - Hiệp Hòa, nhưng được khấu trừ vào số tiền 232.562.950 đồng bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp để khắc phục hậu quả. Công ty Trường An còn tiếp tục phải nộp số tiền 1.991.742.606 đồng.

Buộc Công ty Global phải nộp số tiền 5.954.903.325 đồng cho Chi cục thuế khu vực B – Yên D, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000.000 đồng Công ty Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp để khắc phục hậu quả (trong đó Công ty Global nộp 250.000.000 đồng; bị cáo Nh nộp 20.000.000 đồng, bị cáo H nộp 15.000.000 đồng, Ng nộp 15.000.000 đồng). Công ty Global còn tiếp tục phải nộp số tiền 5.654.903.325 đồng.

4. Về vật chứng của vụ án: **Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:**

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 02 (Hai) cây CPU máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung; 01 (một) ổ cứng máy tính có Seri 0244J1BN705126V9204, MADE IN KOREA; 01 máy tính xách tay mặt ngoài màu xám có ký hiệu HP đã qua sử dụng, không có pin, 01 USB có chữ Kingston- DTSE9-4GB vỏ kim loại đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Thị S thu lời bất chính đã nộp là 598.037.050 đồng.

Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa được nhận số tiền 232.562.950 đồng do bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2012/00796 ngày 10/11/2020; số AA/2012/00836 ngày 24/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 02/7/2019 với số tiền nộp là 370.000.000 đồng và ngày 25/10/2019 với số tiền nộp 240.600.000 đồng.

Chi cục thuế khu vực B – Yên D được nhận số tiền 300.000.000 đồng do Công ty TNHH JN Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2010/001133 ngày 28/9/2020; số AA/2012/00839 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00837 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00838 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 09/7/2019 với số tiền nộp là 200.000.000 đồng.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS-P3 ngày 03/10/2020 và 03/QĐ-VKS-P3 ngày 03/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B).

5, Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Công ty Trường An và Công ty Global phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của Chi cục thuế khu vực B – Yên D và một số người liên quan nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và kết quả định giá thấy đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2017 đến tháng 5/2019, Nguyễn Thị S- Kế toán Công ty Trường An đã mua bán trái phép 38 (Ba mươi tám) số hóa đơn GTGT, trong đó: mua 19 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 26.313.669.778 đồng và đã bán tổng số 19 số hóa đơn GTGT với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 26.140.005.925 đồng cho Dương Hoàng N- Giám đốc Công ty Global; số tiền Nguyễn Thị S đã thu lợi bất chính là 598.037.950 đồng; gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 2.224.305.556 đồng về thuế GTGT. Bị cáo Sáu đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 830.600.000 đồng.

Dương Hoàng N chỉ đạo và được Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N giúp sức mua 19 (Mười chín) sổ hóa đơn GTGT với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 26.140.005.925 đồng của Nguyễn Thị S về Công ty Global để sử dụng kê khai, báo cáo thuế; gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 5.954.903.325 đồng (trong đó: thuế GTGT là 2.376.364.175 đồng, thuế TNDN là 3.578.539.150 đồng). Số tiền Công ty Global, Dương Hoàng N, Hoàng Thị H và Nguyễn Thị N đã nộp để khắc phục hậu quả là 300.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị S, Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn nộp ngân sách nhà nước, gây thiệt hại nguồn thu của ngân sách nhà nước.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Sáu sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính và khắc phục một phần thiệt hại cho Nhà nước. bị cáo Hoàng Thị H, Dương Hoàng N, Nguyễn Thị N phạm tội khi đang là phụ nữ có thai và sau khi phạm tội đã khắc phục hậu quả nộp số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo Dương Hoàng N- giám đốc Công ty Global đã chỉ đạo Hoàng Thị H nộp số tiền 250.000.000 để khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo Hoàng Thị H có bác ruột là ông Hoàng Văn Ngành và ông Hoàng Văn Thịnh là thương binh, bệnh binh và có bố đẻ là Hoàng Văn S đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; bị cáo Nguyễn Thị N có bà nội là Nguyễn Thị Đường được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, có ông ngoại là Nguyễn Văn Đệ, bà ngoại là Nguyễn Thị Môn đều được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

Nên bị cáo Nguyễn Thị S được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Thị H, Dương Hoàng N, Nguyễn Thị N được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét về nhân thân và vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo Sáu là người mua 19 hóa đơn và bán 19 hóa đơn nên giữ vai trò chính và chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo Nh là giám đốc chỉ đạo bị cáo H và Ng nên giữ vai trò cao hơn bị cáo H và Ng. Tuy bị cáo H không là kế toán nhưng tích cực phạm tội nên giữ vai trò ngang bằng với bị cáo Ng.

Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bằng việc ngoài lần vi phạm pháp luật này ra thì các bị cáo chưa phạm tội lần nào; Điều có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc Công ty Trường An phải nộp số tiền 2.224.305.556 đồng cho Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa, nhưng được khấu trừ vào số tiền 232.562.950 đồng bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp để khắc phục hậu quả. Công ty Trường An còn tiếp tục phải nộp số tiền 1.991.742.606 đồng.

Buộc Công ty Global phải nộp số tiền 5.954.903.325 đồng cho Chi cục thuế khu vực B – Yên D, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000.000 đồng do Công ty Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp để khắc phục hậu quả (trong đó Công ty Global nộp 250.000.000 đồng; bị cáo Nh nộp 20.000.000 đồng, bị cáo H nộp 15.000.000 đồng, Ng nộp 15.000.000 đồng). Công ty Global còn tiếp tục phải nộp số tiền 5.654.903.325 đồng.

Số tiền bị cáo Sáu đã nộp để khắc phục hậu quả và số tiền bị cáo Nh, H, Ng đã nộp để khắc phục hậu quả là tự Ng, giữa Công ty và các bị cáo đã không có tranh chấp. Hai bên thống nhất sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 3 Điều 203 bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 02 (Hai) cây CPU máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung; 01 (một) ổ cứng máy tính có Seri 0244J1BN705126V9204, MADE IN KOREA; 01 máy tính xách tay mặt ngoài màu xám có ký hiệu HP đã qua sử dụng, không có pin, 01 USB có chữ Kingston- DTSE9-4GB vỏ kim loại đã qua sử dụng.

Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Thị S thu lời bất chính đã nộp là 598.037.050 đồng.

Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa được nhận số tiền 232.562.950 đồng do bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2012/00796 ngày 10/11/2020; số AA/2012/00836 ngày 24/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 02/7/2019 với số tiền nộp là 370.000.000 đồng và ngày 25/10/2019 với số tiền nộp 240.600.000 đồng.

Chi cục thuế khu vực B – Yên D được nhận số tiền 300.000.000 đồng do Công ty TNHH JN Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2010/001133 ngày 28/9/2020; số AA/2012/00839 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00837 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00838 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 09/7/2019 với số tiền nộp là 200.000.000 đồng.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Công ty Trường An và Công ty Global phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với một số người liên quan:

Đối với Nguyễn Trường G: Mặc dù Nguyễn Trường G là Giám đốc Công ty Trường An, tuy Nh Giáp chỉ đứng tên người đại diện pháp luật của Công ty, thực tế điều hành mọi hoạt động Công ty đều do Nguyễn Thị S (mẹ đẻ của Giáp) thực hiện. Việc ký vào các hồ sơ, chứng từ, tài liệu như: Hợp đồng, hóa đơn GTGT, bảng kê... đều do Nguyễn Thị S đưa cho để ký. Nguyễn Trường G không biết việc kinh doanh của Nguyễn Thị S như thế nào, không được Nguyễn Thị S trao đổi bàn bạc gì về việc mua và bán hóa đơn GTGT. Do vậy không đủ căn cứ xác định Nguyễn Trường G đồng phạm với Nguyễn Thị S.

- Đối với Nguyễn Thu H- sinh năm 1990, nơi đăng ký HKTT tại: huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh H (là cháu của Nguyễn Thị S):

Hà làm nhân viên bán xăng, dầu cho Nguyễn Thị S từ năm 2015 đến nay. Quá trình làm việc tại cửa hàng xăng dầu do có hiểu biết về máy vi tính nên ngoài nhiệm vụ bán xăng, dầu Nguyễn Thu H có được Nguyễn Thị S nhờ thực hiện một số việc như: truy cập vào hòm thư điện tử “Gmail” để tải và in các bảng kê hàng hóa, dịch vụ mà Nguyễn Thị N- Kế toán của Công ty Global chuyển đến, giúp Nguyễn Thị S viết hóa đơn GTGT theo nội dung Nguyễn Thị S đã chuẩn bị sẵn. Nguyễn Thu H không biết việc giúp những việc Nguyễn Thị S nhờ để phục vụ cho việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị S, không được Nguyễn Thị S bàn bạc, trao đổi gì. Do vậy việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thu H là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Trường S- sinh năm 1957:

Nguyễn Trường S (là chồng của Nguyễn Thị S), là người cùng với Nguyễn Thị S thành lập Công ty Trường An. Sau khi thành lập đến nay mọi hoạt động kinh doanh đều do Nguyễn Thị S điều hành, ông Nguyễn Trường S chỉ làm phụ giúp những công việc trong Công ty như sửa chữa các máy móc, thiết bị, ô tô, lái xe ô tô, bán xăng, dầu; không tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty; không được Nguyễn Thị S trao đổi bàn bạc gì về việc mua và bán trái phép hóa đơn GTGT. Do vậy ông Nguyễn Trường S không vi phạm pháp luật, việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn T- sinh năm 1985, trú tại: số nhà 72, đường Lê Đức T, phường KB, thành phố BN, tỉnh BN:

Là người ký hợp đồng thuê xe ô tô ngày ngày 01/7/2017 với Công ty Trường An, nội dung Tuyên cho thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Fortuner nhãn hiệu TOYOTA BKS 99A- 126.60 do Tuyên là chủ sở hữu với giá 18.000.000 đồng/1 tháng. Sau khi ký hợp đồng xong, Nguyễn Thị S có ký hợp đồng cho Công ty Trường An ký hợp đồng với Công ty Global cho thuê lại để hưởng tiền chênh lệch; sau đó Nguyễn Thị

S bảo Tuyền đến làm nhân viên lái xe cho Công ty Global. Trong quá trình lái xe tại đây, có một số lần Tuyền chuyển đưa tài liệu giữa Công ty Global và Công ty Trường An, Tuyền không biết việc mua bán hóa đơn GTGT giữa Nguyễn Thị S với những người ở Công ty Global, do vậy hành vi của Nguyễn Văn T không vi phạm pháp luật.

- Đối với Trần Thị H- sinh năm 1991, trú tại: số nhà 487, đường LL, phường Hoàng Văn T, thành phố B:

Trần Thị H làm việc tại Công ty Global từ tháng 8/2017 đến nay và được Dương Hoàng N- Giám đốc, phân công làm kế toán tiền lương cho Công ty. Hương được Nh đăng ký chữ ký kế toán trong hệ thống Ngân hàng TechcomBank - Chi nhánh B và hệ thống Ngân hàng TPBank- Chi nhánh Hà Nội. Ngoài làm kế toán Hương còn được giao đi rút tiền ở tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng TechcomBank- Chi nhánh B theo chỉ đạo của Nh, sau đó đem về đưa lại cho Nh ngoài ra không làm gì khác. Hương được Nh chỉ đạo ký vào mục kế toán trưởng trong giấy ủy nhiệm chi đã được Nguyễn Thị N lập để thực hiện giao dịch thanh toán cho khách hàng của Công ty Global. Trong quá trình ký giấy ủy nhiệm chi Hương không biết việc mua bán hóa đơn của Nh hay ai trong Công ty với Nguyễn Thị S, không được ai trao đổi hay bàn bạc gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý Trần Thị H là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Văn Đ- sinh năm 1982, trú tại: thôn Nam T, xã Đặng L, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên:

Đoan là nhân viên lái xe cho Công ty Global từ tháng 11/2017, ngoài ra được Hoàng Thị H là quản lý của Công ty giao nhiệm vụ đi gửi và rút tiền tại ngân hàng và giao nhận chứng từ kế toán. Đầu năm 2018 bản thân được H giao việc mang chứng từ của Công ty Global đến Công ty Trường An đưa cho Nguyễn Thị S và nhận tiền từ bị cáo Nguyễn Thị S. Doan chỉ được H bảo đến gặp Sáu để lấy tiền có số lượng cụ thể từng lần, không nói cho Doan biết là tiền gì; khi Doan gặp Sáu nhận tiền, kiểm đếm, không phải ký nhận gì. Sáu cũng có tài liệu cho vào túi đưa cho Doan đem về cho H; không nhớ rõ nhận bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền. Do vậy không có căn cứ xác định Nguyễn Văn Đ vi phạm pháp luật.

- Đối với các đối tượng có liên quan đến hành vi bán hóa đơn của các Công ty như: Công ty TNHH TM Phúc Hoàng Hưng Thịnh, Công ty TNHH Đầu tư thương mại xăng dầu Trung Hậu, Công ty TNHH vật tư và xây dựng Nam Hà, Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Ngọc Quảng. Quá trình điều tra chưa có thông tin, tài liệu cụ thể về các đối tượng này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này và có quan điểm sẽ xem xét xử lý khi có tài liệu chứng minh về hành vi vi phạm của các đối tượng này là có căn cứ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1, Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị S, Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm d, đ, e khoản 2 và khoản 3 Điều 203 Điều 65; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Quang C, huyện VY, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; Điều 65; Điều 17; Điều 58; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoàng N 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Ninh X, thành phố BN, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Thanh T, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Bích S, huyện VY, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ **Điều 597 Bộ luật dân sự**.

Buộc Công ty TNHH Trường An 19 phải nộp số tiền 2.224.305.556 đồng cho Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa, nhưng được khấu trừ vào số tiền 232.562.950 đồng bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp để khắc phục hậu quả. Công ty TNHH Trường An 19 còn tiếp tục phải nộp số tiền 1.991.742.606 đồng.

Buộc Công ty TNHH JN Global phải nộp số tiền 5.954.903.325 đồng cho Chi cục thuế khu vực B – Yên D, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000.000 đồng Công ty TNHH JN Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp để khắc phục hậu quả (trong đó Công ty TNHH JN Global nộp 250.000.000 đồng; bị cáo Nh nộp 20.000.000 đồng, bị cáo H nộp 15.000.000 đồng, Ng nộp 15.000.000 đồng). Công ty TNHH JN Global còn tiếp tục phải nộp số tiền 5.654.903.325 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ **điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự**:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 02 (Hai) cây CPU máy vi tính nhãn hiệu Sam Sung; 01 (một) ô cứng máy tính có Seri 0244J1BN705126V9204, MADE IN KOREA; 01 máy tính xách tay mặt ngoài màu xám có ký hiệu HP đã qua sử dụng, không có pin, 01 USB có chữ Kingston- DTSE9-4GB vỏ kim loại đã qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Nguyễn Thị S thu lời bất chính đã nộp là 598.037.050 đồng.

Chi cục thuế khu vực VY – Hiệp Hòa được nhận số tiền 232.562.950 đồng do bị cáo Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2012/00796 ngày 10/11/2020; số AA/2012/00836 ngày 24/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 02/7/2019 với số tiền nộp là 370.000.000 đồng và ngày 25/10/2019 với số tiền nộp 240.600.000 đồng.

Chi cục thuế khu vực B – Yên D được nhận số tiền 300.000.000 đồng do Công ty TNHH JN Global và bị cáo Nh, H, Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm thu số AA/2010/001133 ngày 28/9/2020; số AA/2012/00839 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00837 ngày 02/11/2020; số AA/2012/00838 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Công an tỉnh B ngày 09/7/2019 với số tiền nộp là 200.000.000 đồng.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 02/QĐ-VKS-P3 ngày 03/10/2020 và 03/QĐ-VKS-P3 ngày 03/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo Nguyễn Thị S, Dương Hoàng N, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc Công ty TNHH Trường An 19 phải chịu 71.752.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty TNHH JN Global phải chịu 113.654.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND Tp B;
- Công an Tp B;
- CCTHADS Tp B;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

